



TP. HCM, ngày 13 tháng 05 năm 2016

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC K TP HCM

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty đại chúng: Công ty cổ phần Sợi Thế Kỹ

Mã chứng khoán: STK

Trụ sở chính: B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP.HCM

Điện thoại: (+84.8) 3790 7565

Fax: (+84.8) 3790 7566

Người thực hiện công bố thông tin: Đặng Triệu Hòa

Địa chỉ: B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, TP.HCM

Điện thoại: (+84.8) 3790 7565

Fax: (+84.8) 3790 7566

Loại thông tin công bố: 24 giờ

NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ

Công ty cổ phần Sợi Thế Kỹ công bố thông tin Quy trình Công bố thông tin được cập nhật theo Thông tư 155 và Luật doanh nghiệp 2014.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 13/05/2016 tại đường dẫn www.thekey.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Tài liệu đính kèm:

- NQ HĐQT thông qua Quy trình CBTT
- Quy trình CBTT Cty CP Sợi Thế Kỹ

**Người đại diện theo pháp luật/
Người được ủy quyền công bố thông tin**



**ĐẶNG TRIỆU HÒA
TỔNG GIÁM ĐỐC**





Số: 09-2016/NQHĐQT

TP. HCM, ngày 13 tháng 05 năm 2016

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KỶ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Thông tư 155/2015/TT-BTC, được Bộ Tài Chính ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2015;
- Thông tư 123/2015/TT-BTC về việc hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường Chứng khoán Việt Nam được ban hành ngày 18/08/2015;
- Thông tư 162/2015/TT-BTC về việc hướng dẫn chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ;
- Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 09-2016/BBHĐQT/TK ngày 11/05/2016.

Cuộc họp Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ được tổ chức tại văn phòng Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ - B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, TP.HCM ngày 11/05/2016. Chủ tịch và các thành viên HĐQT cùng thảo luận và thống nhất thông qua các nội dung sau:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Quy trình Công bố thông tin Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ được cập nhật theo Thông tư 155 và Luật doanh nghiệp 2014. Đồng thời cập nhật bổ sung viện dẫn theo các điều luật thay thế các điều luật cũ đã hết hiệu lực thi hành.

Điều 2: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và các thành viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- HĐQT Cty;
- Trưởng BKS Cty;
- Ban TGĐ Cty
- Lưu VT, bộ phận IR



Đặng Triệu Hòa

CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THÉ KỸ

☞ 000 ☜

**QUY TRÌNH
CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 05 năm 2016



MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi áp dụng	3
Điều 2. Định nghĩa và chữ viết tắt.....	4
Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin	5
CHƯƠNG II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ	6
Điều 4. Các trường hợp công bố thông tin	6
Điều 5. Thời hạn và nội dung công bố thông tin.....	7
Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin	19
Điều 7. Bảo quản, lưu giữ thông tin	19
Điều 8. Xử lý vi phạm về công bố thông tin	20
CHƯƠNG III: THẨM QUYỀN, QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ PHÁT NGÔN	20
Điều 9. Thẩm quyền của Người công bố thông tin	20
Điều 10. Lưu đồ công bố thông tin.....	20
Điều 11. Người phát ngôn	26
CHƯƠNG IV: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	26
Điều 12. Điều khoản thi hành	26
Điều 13. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy trình.....	26



QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 09-2016/NQHĐQT của Hội đồng Quản trị
Công ty cổ phần Sợi Thể Kỹ ngày 13/05/2016)*

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy trình này quy định cơ chế công bố các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Sợi Thể Kỹ với các cơ quan có thẩm quyền và/hoặc công bố trên thị trường chứng khoán, trên các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của pháp luật với tư cách là công ty đại chúng quy mô lớn, tổ chức niêm yết và tổ chức phát hành thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng (nếu có).

1. Đối tượng áp dụng: các phòng ban, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc công bố thông tin.
2. Phương tiện và hình thức công bố thông tin:
 - a. Việc công bố thông tin được thực hiện đồng thời qua các phương tiện công bố sau:
 - Báo cáo thường niên, trang thông tin điện tử (website) và các ấn phẩm khác của Công ty Cổ phần Sợi Thể Kỹ;
 - Các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN bao gồm: hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin, cổng thông tin điện tử và các ấn phẩm khác của UBCKNN;
 - Các phương tiện công bố thông tin của SGDCK bao gồm: hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin, trang thông tin điện tử của SGDCK, bảng hiển thị điện tử tại SGDCK;
 - Phương tiện công bố thông tin của TTLKCK: trang thông tin điện tử của TTLKCK;
 - Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật.

- b. Các tài liệu, báo cáo gửi cho UBCKNN, SGDCK được thể hiện dưới hình thức văn bản và hình thức dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.
- c. Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ phải lập trang thông tin điện tử (Website) của mình. Trang thông tin điện tử phải có các chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông, trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Bản cáo bạch và các thông tin phải công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC. Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ phải thông báo với UBCKNN, SGDCK và công khai về địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi.

Điều 2. Định nghĩa và chữ viết tắt

1. Định nghĩa từ:

Trong Quy trình này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

- a. “Công ty” là Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ.
- b. “Chi nhánh” là các Chi nhánh, Nhà máy, đơn vị trực thuộc của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ.
- c. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ.
- d. “Người quản lý Công ty” là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành và người giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết hợp đồng.
- e. “Người nội bộ” là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm toán nội bộ; Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng Phòng Tài chính của Công ty, người đại diện theo pháp luật, người được Ủy quyền Công bố thông tin.
- f. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có liên hệ với Công ty do mối liên hệ trực tiếp hoặc gián tiếp của họ với Người Quản lý Công ty và/hoặc Người nội bộ theo quy định của pháp luật hiện hành.
- g. “Công bố thông tin” là việc Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ công bố thông tin định kỳ, bất thường hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) và theo quy định pháp luật công bố trên thị trường chứng khoán, trên các phương tiện thông tin đại chúng các thông tin cần công bố theo quy định.
- h. “Phát ngôn” là một hình thức công bố thông tin đặc biệt không bị ràng buộc bởi các quy định đối với hình thức công bố thông tin quy định tại Điều 4, chủ yếu thực hiện thông qua hoạt động tiếp xúc, trả lời và tuyên bố trước các phương tiện thông tin đại

chúng về các chủ trương, chính sách, quyết định quan trọng của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ. Việc phát ngôn do người phát ngôn được Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ chỉ định và giao nhiệm vụ thực hiện.

- i. “Các đơn vị trực thuộc” là các Phòng ban nghiệp vụ và các chi nhánh, đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ có liên quan đến các thông tin cần được công bố theo quy định.
- j. “Người phụ trách CBTT” có chức năng tổng hợp, xử lý và gửi các thông tin đã được duyệt của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ để công bố. Đồng thời có chức năng quản lý, cập nhật trang thông tin điện tử: www.theky.vn của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ.
- k. Thông tư số 155 là Thông tư số 155/2015/TT-BTC hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2015 và các văn bản sửa đổi bổ sung của Thông tư này.

2. Chữ viết tắt:

IDS	: Hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin công ty đại chúng
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
SDGCK	: Sở Giao dịch Chứng khoán
HOSE	: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
VSD	: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
CBTT	: Công bố thông tin
HĐQT	: Hội đồng quản trị
TV HĐQT	: Thành viên Hội đồng quản trị
BKS	: Ban kiểm soát
TV BKS	: Thành viên Ban kiểm soát
TGD	: Tổng Giám đốc điều hành
KTT	: Kế toán trưởng
GĐTC	: Giám đốc Tài chính
CLQ	: Có liên quan
BCTC	: Báo cáo tài chính
TTCKVN	: Thị trường chứng khoán Việt Nam
ĐKCC	: Đăng ký cuối cùng

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Các thông tin công bố phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật.

2. Việc công bố thông tin phải do Tổng Giám đốc điều hành hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Tổng Giám đốc điều hành phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do Người được ủy quyền công bố thông tin công bố.
Người được ủy quyền công bố thông tin phải được đăng ký bằng văn bản cho UBCKNN, SGDCK theo Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 155 hoặc theo mẫu do UBCKNN, SGDCK quy định. Trường hợp thay đổi Người được ủy quyền công bố thông tin phải thông báo bằng văn bản cho UBCKNN, SGDCK tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.
3. Trường hợp có bất kỳ thông tin nào làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán thì Tổng Giám đốc điều hành hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin phải xác nhận hoặc đính chính thông tin đó trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được thông tin đó hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý.
4. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố Tổng Giám đốc điều hành hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin phải đồng thời báo cáo và có văn bản giải trình cho UBCKNN, SGDCK.
5. Việc công bố thông tin phải được thực hiện đồng thời với việc báo cáo UBCKNN, SGDCK về nội dung thông tin công bố.
6. Không được công bố những thông tin thuộc danh sách bảo mật do Chính phủ quy định.
7. Quá trình tập hợp, công bố, lưu giữ và bảo quản các thông tin cần công bố phải được thực hiện theo đúng các quy định của Quy trình này và các quy định pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1. Các nội dung công bố thông tin

Điều 4. Các trường hợp công bố thông tin

1. Công bố thông tin định kỳ.
2. Công bố thông tin bất thường.
3. Công bố thông tin theo yêu cầu.
4. Các trường hợp khác phải công bố thông tin:
 - a. Công bố thông tin về giao dịch của Cổ đông lớn và nhóm người có liên quan;
 - b. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng;
 - c. Công bố thông tin về giao dịch của Người nội bộ, Người được ủy quyền công bố thông tin và Người có liên quan tới những đối tượng trên;

- d. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu;
- e. Công bố thông tin của nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan;
- f. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ;
- g. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai;
- h. Công bố thông tin về việc chào bán chứng khoán;
- i. Công bố thông tin đối với một số trường hợp phát hành thêm cổ phiếu;
- j. Công bố thông tin khi thực hiện chào bán trái phiếu, cổ phiếu ra công chúng;
- k. Các công bố thông tin khác theo quy định pháp luật (nếu có).

Điều 5. Thời hạn và nội dung công bố thông tin

1. **Công bố thông tin định kỳ:** thực hiện theo quy định tại các Điều 8 và Điều 11 Thông tư số 155.

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ định kỳ hàng quý, 6 tháng đầu năm và hàng năm, báo cáo UBCKNN, SGDCK và công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng các thông tin sau đây:

a. Báo cáo tài chính năm:

Chậm nhất là mười (10) ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán độc lập ký báo cáo kiểm toán, Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện hành nghề theo quy định của Bộ Tài chính và UBCKNN, cụ thể như sau:

- Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tài chính năm hoặc Báo cáo tài chính năm của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính năm hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính năm tổng hợp không quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- Báo cáo tài chính năm bao gồm:
 - + Bảng cân đối kế toán;
 - + Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
 - + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
 - + Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính phải trình bày đầy đủ tất cả nội dung theo quy định của pháp luật về kế toán. Trường hợp trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính có chỉ dẫn đến Phụ lục, Phụ lục phải được công bố cùng Bản thuyết minh Báo cáo tài chính. Thuyết minh Báo cáo tài chính phải trình bày cụ thể

các nội dung về giao dịch với các bên liên quan theo quy định Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

- Trường hợp Công ty Sợi Thế Kỳ là công ty mẹ của tổ chức khác thì nội dung công bố thông tin về Báo cáo tài chính năm bao gồm Báo cáo tài chính năm của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ và Báo cáo tài chính năm hợp nhất. Trường hợp Công ty Sợi Thế Kỳ là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc thì Báo cáo tài chính năm bao gồm Báo cáo tài chính năm của công ty Sợi Thế Kỳ và Báo cáo tài chính năm tổng hợp theo quy định của pháp luật kế toán.
- Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ phải công bố đầy đủ nội dung thông tin về Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trên trang thông tin điện tử của Công ty, trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK.
- Báo cáo tài chính năm; Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính năm phải được lưu trữ bằng văn bản và dữ liệu điện tử ít nhất mười (10) năm tại Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ để nhà đầu tư tham khảo.

b. Báo cáo tài chính bán niên:

- Công ty phải lập và công bố thông tin về Báo cáo tài chính bán niên (sáu tháng đầu năm tài chính) đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo Chuẩn mực kiểm toán về công tác soát xét Báo cáo tài chính của UBCKNN trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức kiểm toán được chấp thuận ký Báo cáo soát xét. Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét không quá bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc sáu (06) tháng đầu năm tài chính. Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tài chính bán niên hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính bán niên tổng hợp (nếu có) đã được soát xét và Báo cáo tài chính bán niên của Công ty mẹ là bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày kết thúc sáu (06) tháng đầu năm tài chính và trong trường hợp được UBCKNN chấp thuận cho gia hạn thời gian công bố Báo cáo tài chính bán niên hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính bán niên tổng hợp thì thời hạn công bố là sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày kết thúc sáu (06) tháng đầu năm tài chính.
- Báo cáo tài chính bán niên kèm theo toàn bộ Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính bán niên phải công bố trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK, trang thông tin điện tử của Công ty và phải được lưu trữ bằng văn bản và dữ liệu điện tử ít nhất trong vòng mười (10) năm tiếp theo tại trụ sở chính của Công ty để nhà đầu tư tham khảo.
- Tổ chức kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên phải là tổ chức kiểm toán được chấp thuận đã được chọn để kiểm toán Báo cáo tài chính năm của Công ty.

c. Báo cáo tài chính quý:

Công ty phải công bố thông tin định kỳ về Báo cáo tài chính quý như sau:

- Thời hạn công bố Báo cáo tài chính quý không quá hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc quý. Thời hạn công bố Báo cáo tài chính quý hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính quý tổng hợp (nếu có) không quá (20) ngày kể từ ngày kết thúc quý và trong trường hợp được UBCKNN chấp thuận cho gia hạn thời gian công bố Báo cáo tài chính quý hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính quý tổng hợp thì thời hạn công bố không quá ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc quý.
- Báo cáo tài chính quý phải bao gồm các báo cáo như đã trình bày tại khoản 1.a Điều 5 về Báo cáo tài chính năm trong Quy trình này.
- Trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa báo cáo quý của kỳ công bố so với báo cáo quý cùng kỳ năm trước có biến động từ mười phần trăm (10%) trở lên hoặc kết quả kinh doanh trong quý bị lỗ, hoặc số liệu kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên Công ty phải giải trình rõ nguyên nhân dẫn đến những biến động bất thường trong Báo cáo tài chính quý đó.
- Công ty phải công bố đầy đủ Báo cáo tài chính quý trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK và trên trang thông tin điện tử của Công ty và phải được lưu trữ bằng văn bản và dữ liệu điện tử ít nhất mười (10) năm tiếp theo tại trụ sở chính của Công ty để nhà đầu tư tham khảo.

Trường hợp Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính bán niên được soát xét có các ý kiến ngoại trừ/lưu ý thì Công ty phải công bố thông tin về giải trình đối với các ý kiến ngoại trừ/lưu ý đó.

d. Báo cáo thường niên:

Công ty phải lập Báo cáo thường niên theo Phụ lục 04 kèm theo Thông tư 155 và công bố thông tin về Báo cáo thường niên chậm nhất là hai mươi (20) ngày sau khi công bố Báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Việc công bố thông tin phải được thực hiện trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công ty, phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK và lưu trữ bằng văn bản và dữ liệu điện tử ít nhất mười (10) năm tiếp theo tại trụ sở chính của Công ty để nhà đầu tư tham khảo. Thông tin tài chính trong Báo cáo thường niên phải phù hợp với Báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

e. Báo cáo tình hình quản trị công ty:

Định kỳ sáu (06) tháng và năm Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo Phụ lục 05 kèm theo Thông tư 155, đồng thời báo cáo UBCKNN, SGDCK. Thời hạn báo cáo và công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị công ty sáu (06) tháng và năm chậm nhất là ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Việc công bố thông tin được thực hiện trên trang thông tin điện tử của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK.

f. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông:

Công ty phải công bố thông tin định kỳ về nội dung Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Công ty phải công bố toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường, bao gồm: thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp trên trang thông tin điện tử đồng thời với việc gửi thông báo về việc mời họp và hướng dẫn truy cập trang thông tin điện tử về việc họp và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông cho các cổ đông trước khi khai mạc họp đại hội đồng cổ đông chậm nhất là mười (10) ngày.

Tóm tắt nội dung công bố thông tin định kỳ

STT	CBTT Định kỳ	Báo cáo	Thời điểm CBTT	Thời hạn cuối cùng	Biểu mẫu
1	Quý I	BCTC Quý I/ XX <i>(Loại Báo cáo không họp nhất hoặc không tổng hợp)</i>	-	20/04/ XX	
		BCTC Quý I/ XX <i>(BCTC của Công ty mẹ và BCTC họp nhất hoặc BCTC tổng hợp)</i>	-	20/4/XX, hoặc 30/04/ XX nếu được UBCKNN chấp thuận cho gia hạn	
2	Quý II	BCTC Quý II/ XX <i>(Loại Báo cáo không họp nhất hoặc không tổng hợp)</i>	-	20/07/ XX	
		BCTC Quý II/ XX <i>(BCTC của Công ty mẹ và BCTC họp nhất hoặc BCTC tổng hợp)</i>	-	20/07/XX; hoặc 30/07/ XX nếu được	

				UBCKNN chấp thuận cho gia hạn	
		BCTC bán niên đã được soát xét (Loại Báo cáo không hợp nhất hoặc không tổng hợp)	<i>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức kiểm toán được chấp thuận ký báo cáo soát xét</i>	14/08/ XX	
		BCTC bán niên đã được soát xét (BCTC của Công ty mẹ và BCTC hợp nhất hoặc BCTC tổng hợp)	<i>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức kiểm toán được chấp thuận ký báo cáo soát xét</i>	14/08/ XX; hoặc 29/08/ XX nếu được UBCKNN chấp thuận cho gia hạn	
		Báo cáo quản trị 6 tháng đầu năm XX		30/07/ XX	TT 155– Phụ lục 5
3	Quý III	BCTC Quý III/ XX (Loại Báo cáo không hợp nhất hoặc không tổng hợp)	-	20/10/ XX	
		BCTC Quý III/ XX (BCTC của Công ty mẹ và BCTC hợp nhất hoặc BCTC tổng hợp)	-	20/10/ XX; hoặc 30/10/ XX nếu được UBCKNN chấp thuận cho gia hạn	
4	Quý IV	BCTC Quý IV/ XX (Loại Báo cáo không hợp nhất hoặc không tổng hợp)	-	20/01/ XX+ 1	
		BCTC Quý IV/ XX (BCTC của Công ty mẹ và BCTC hợp nhất hoặc	-	20/01/ XX; hoặc 30/01/ XX+ 1	

		<i>BCTC tổng hợp</i>		nếu được UBCKNN chấp thuận cho gia hạn	
5	Năm	Báo cáo quản trị năm XX	-	30/01/ XX+1	TT 155- phụ lục 5
		Báo cáo kiểm toán năm XX <i>(Loại Báo cáo không hợp nhất hoặc không tổng hợp)</i>	<i>Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo</i>	30/03/ XX+1	
		Báo cáo kiểm toán năm XX <i>(BCTC của Công ty mẹ và BCTC hợp nhất hoặc BCTC tổng hợp)</i>	<i>Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo</i>	30/03/ XX+1	
		Báo cáo thường niên năm XX	<i>Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán</i>	19/04/ XX+1	TT 155- phụ lục 4
		Tài liệu hợp ĐHĐCĐ	<i>Trước khi khai mạc họp ĐHĐCĐ chậm nhất là 10 ngày</i>	-	
		Tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	<i>Định kỳ 06 tháng, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán</i>	-	ND 58- Mẫu số 05

2. Công bố thông tin bất thường: thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 12 Thông tư số 155.

Công ty Cổ phần Sợi Thép Kỹ phải công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- Tài khoản của công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính công ty;
- Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; Bổ sung hoặc rút bớt ngành nghề kinh doanh; bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; thay đổi thông tin trong bản cáo bạch sau khi đã được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng kí chào bán;
- Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kiểm phiếu) về việc thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 135 của Luật Doanh nghiệp 2014;
- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị về việc mua lại cổ phiếu của công ty mình hoặc bán lại số cổ phiếu đã mua; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán theo quy định tại khoản 2 Điều 149 của Luật Doanh nghiệp 2014;
- Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị (kèm Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kiểm phiếu) về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, phát hành cổ phiếu thưởng; tách, gộp cổ phiếu;
- Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với những trường hợp cần được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền) về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty, thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; Sửa đổi bổ sung Điều lệ, chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của công ty; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính; ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính
- Khi có quyết định về việc góp vốn thành lập, mua, bán hoặc giải thể công ty con, tăng vốn đầu tư hoặc không còn đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết,;
- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan;
- Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;

- Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành do phát hành thêm; mua, bán cổ phiếu quỹ tính tại thời điểm chứng khoán chính thức được đăng ký tại TTLKCK;
- Công ty nhận được thay đổi nội dung liên quan đến Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;
- Khi có sự thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm nhân sự chủ chốt của công ty (thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng Phòng Tài chính);
- Khi có quyết định khởi tố, bản án, quyết định của Tòa án đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng Phòng Tài chính, thành viên Ban kiểm soát của Công ty;
- Khi nhận được quyết định khởi tố bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Khi có kết luận của cơ quan thuế về việc Công ty vi phạm pháp luật về thuế;
- Khi có Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của công ty có giá trị từ ba mươi phần trăm (30%) vốn chủ sở hữu trở lên tính tại Báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi;
- Khi có thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;
- Khi Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên tại BCTC năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét;
- Khi có Quyết định /Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị liên quan đến vấn đề tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét; quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của công ty nhận góp vốn;
- Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị về việc mua, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười lăm phần trăm (15%) tổng tài sản của Công ty tính tại Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;
- Kể từ khi được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài.
- Khi có giải trình liên quan đến các số liệu tài chính do công ty phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật khác với số liệu tài chính tại Báo cáo tài chính được kiểm toán.
- Khi xảy ra các sự kiện có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.

- a. Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ phải công bố thông tin bất thường trên đây trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ và trên phương tiện công bố thông tin của SGDCK, UBCKNN.
 - b. Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ khi công bố thông tin bất thường phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, kế hoạch và các giải pháp khắc phục (nếu có).
- 3. Công bố thông tin theo yêu cầu:** thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 155.
- a. Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ phải công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK bao gồm các sự kiện sau đây:
 - Khi Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
 - Có thông tin liên quan đến Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
 - b. Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ phải công bố thông tin theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ, phương tiện thông tin đại chúng và phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK. Nội dung công bố thông tin phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).
- 4. Các trường hợp khác phải công bố thông tin**
- a. *Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông lớn và nhóm người có liên quan:*
 Cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 155:
 - Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan nắm giữ từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ hoặc khi không còn là cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ phải báo cáo về sở hữu cho Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ, UBCKNN, SGDCK theo Phụ lục 6 kèm theo Thông tư 155 trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn của Công ty.
 - Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan nắm giữ từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ có thay đổi về số lượng cổ phiếu/ sở hữu vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%) số lượng cổ phiếu (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm hoặc không thực hiện giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ) phải thực hiện báo cáo trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo Phụ lục 7 kèm theo Thông tư 155 cho Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ, UBCKNN, SGDCK.

- Thời điểm bắt đầu/kết thúc việc nắm giữ từ năm phần trăm (5%) số lượng cổ phiếu hoặc thời điểm thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%) đã trình bày tại khoản 4.a như trên được tính như sau:
 - + Trường hợp giao dịch được thực hiện qua SGDCK: thời điểm được tính kể từ lúc kết thúc chu kỳ thanh toán giao dịch;
 - + Trường hợp giao dịch không được thực hiện qua SGDCK: thời điểm được tính kể từ lúc việc chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất tại TTLKCK;
 - + Trường hợp thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm: thời điểm được tính kể từ lúc công ty đại chúng hoàn thành đợt chào bán.

b. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng:

Cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 155:

- Cổ đông sáng lập nắm giữ cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 119 Luật Doanh nghiệp 2014 phải gửi thông báo cho UBCKNN, SGDCK, TTLKCK và Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ về việc thực hiện giao dịch chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước khi thực hiện giao dịch theo Phụ lục 8 kèm theo Thông tư 155. Trong trường hợp chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập, người thực hiện chuyển nhượng phải gửi bổ sung Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông chấp thuận việc chuyển nhượng trên.
- Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch, cổ đông sáng lập thực hiện giao dịch phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ về kết quả thực hiện giao dịch theo Phụ lục 9 kèm theo Thông tư 155. Nếu giao dịch không thực hiện được hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký, cổ đông sáng lập phải báo cáo lý do với UBCKNN, SGDCK và Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch.

c. Công bố thông tin về giao dịch của Người nội bộ và Người có liên quan:

Theo quy định tại Điều 28 Thông tư số 155:

- Người nội bộ và Người có liên quan khi dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm...) phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là ba (03) ngày làm việc. Thời hạn giao dịch không quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi có công bố thông tin từ SGDCK. Nội dung báo cáo theo quy định tại Phụ lục 10 và Phụ lục 11 kèm theo Thông tư số 155.

- Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch đã đăng ký, người thực hiện giao dịch phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ về kết quả thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu theo Phụ lục 12 và Phụ lục 13 kèm theo Thông tư số 155.
- Trường hợp các đối tượng này không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký, trong thời hạn ba (3) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người thực hiện giao dịch phải báo cáo lý do không thực hiện được giao dịch với UBCKNN, SGDCK và Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ.
- Người nội bộ và Người có liên quan của các đối tượng này phải thực hiện giao dịch đúng thời gian giao dịch như đã đăng ký với UBCKNN, SGDCK và không được đăng ký mua và bán cổ phiếu/quyền mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ trong cùng một khoảng thời gian và chỉ được đăng ký giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.
- Trường hợp Người nội bộ hoặc Người có liên quan đồng thời là Cổ đông lớn thì thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với Người nội bộ và Người có liên quan.

d. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu:

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ phải báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho TTLKCK, SGDCK và báo cáo UBCKNN chậm nhất là mười (10) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

e. Công bố thông tin của nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan:

Nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC đồng thời thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và công bố thông tin về các giao dịch chứng khoán theo quy định tại Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

f. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ:

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ phải thực hiện công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn.

g. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai:

Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ phải công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn khi thực hiện chào mua công khai và khi Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ bị chào mua.

h. Công bố thông tin về việc chào bán chứng khoán:

- Công bố thông tin về chào bán chứng khoán riêng lẻ thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 4 Điều 7 Nghị định 58/2012/NĐ-CP.

- Công bố thông tin về chào bán chứng khoán ra công chúng thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Khoản 5 Điều 9 Nghị định 58/2012/NĐ-CP và Điều 23, Điều 24 Thông tư 162/2015/TT-BTC.
- Công bố thông tin về chào bán chứng khoán tại nước ngoài của tổ chức niêm yết thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định 58/2012/NĐ-CP và các quy định tại Thông tư 162/2015/TT-BTC.
- Công bố thông tin của tổ chức niêm yết có chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 66, Khoản 2 Điều 68 và Điều 69 Nghị định 58/2012/NĐ-CP.

i. Công bố thông tin trong trường hợp phát hành thêm cổ phiếu:

- Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ khi thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 37 Thông tư 162/2015/TT-BTC.
- Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ khi thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 37 Thông tư 162/2015/TT-BTC.
- Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ khi thực hiện phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 37 Thông tư 162/2015/TT-BTC.

j. Công bố thông tin khi thực hiện chào bán trái phiếu, cổ phiếu ra công chúng:

- Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ khi thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 155 trong khoảng thời gian từ khi phát hành trái phiếu ra công chúng đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu.
- Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc, Công ty phải gửi thư thông báo tới từng trái chủ và thực hiện công bố thông tin về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi chậm nhất một (01) tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công ty và trên các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDC.
- Công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu ra công chúng và tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:
 - + Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng phải tuân thủ quy định về công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chào bán trái phiếu ra công chúng.
 - + Trường hợp công ty chào bán trái phiếu ra công chúng để huy động vốn cho dự án đầu tư, định kỳ sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDC và công bố thông tin trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDC về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng vốn, công ty phải công bố thông tin về lý do và

Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị/Đại hội đồng cổ đông về sự thay đổi trước khi có sự thay đổi đó. Công ty thực hiện báo cáo và công bố thông tin trên cho đến khi giải ngân hết vốn huy động được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng.

- Công bố thông tin về việc chào bán chứng khoán và tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:
 - + Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ thực hiện chào bán chứng khoán phải tuân thủ quy định về công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào bán chứng khoán.
 - + Trường hợp công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ chào bán chứng khoán ra công chúng để huy động vốn cho dự án đầu tư, định kỳ sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, công ty phải báo cáo UBCKNN và phải công bố thông tin trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng vốn, công ty phải công bố thông tin về lý do và Quyết định/Nghị quyết của Hội đồng quản trị/Đại hội đồng cổ đông về sự thay đổi đó trước khi có sự thay đổi. Công ty thực hiện báo cáo và công bố thông tin trên cho đến khi giải ngân hết vốn huy động được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.

Mục 2. Tạm hoãn công bố thông tin

Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Trường hợp việc công bố thông tin không thể thực hiện được vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh và những trường hợp khác được UBCKNN chấp thuận cho tạm hoãn công bố thông tin), Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ phải báo cáo UBCKNN, SGDCK ngay khi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc trước thời hạn công bố thông tin đối với những trường hợp khác mà Công ty đề nghị UBCKNN chấp thuận cho tạm hoãn công bố và phải thực hiện công bố thông tin ngay sau khi sự kiện bất khả kháng đã được khắc phục.
2. Việc tạm hoãn công bố thông tin được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản phải được công bố trên các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK và Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin.

Mục 3. Bảo quản, lưu giữ và xử lý vi phạm về công bố thông tin

Điều 7. Bảo quản, lưu giữ thông tin

Các đối tượng công bố thông tin thực hiện bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự khi cấu thành tội phạm; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III THẨM QUYỀN, QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ PHÁT NGÔN

Mục 1. Thẩm quyền và trình tự công bố thông tin

Điều 9. Thẩm quyền của Người công bố thông tin

1. Tổng Giám đốc điều hành hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin chịu trách nhiệm công bố thông tin đối với tất cả các nội dung công bố thông tin theo Quy trình này.
2. Trường hợp có bất kỳ thông tin nào làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán thì Tổng Giám đốc hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin phải xác nhận hoặc đính chính thông tin đó trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được thông tin đó hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

Điều 10. Lưu đồ công bố thông tin

10.1 Công bố thông tin định kỳ

Bước CV	Quy trình	Đơn vị thực hiện	Công việc	Cách thực hiện	Yêu cầu kết quả công việc khi hoàn thành	Rủi ro được nhận diện
Bước 1		Người đại diện theo pháp luật/ người được ủy quyền CBTT/ Chuyên viên IR	Thông báo với bộ phận phụ trách trực tiếp	Người phụ trách CBTT thông báo các thời hạn cần CBTT đến bộ phận phụ trách trực tiếp để kịp thời chuẩn bị.	Hiểu rõ các qui định về CBTT.	Hiểu chưa đầy đủ các quy định về CBTT
Bước 2		Bộ phận nghiệp vụ, các tổ chức, cá nhân có liên quan. Lãnh đạo bộ phận nghiệp vụ.	Thực hiện các tài liệu, báo cáo định kỳ	Bộ phận phụ trách trực tiếp tiến hành hoàn chỉnh các tài liệu, báo cáo định kỳ để trình lãnh đạo phụ trách.	Lập báo cáo, tài liệu chính xác, đầy đủ, kịp thời.	Lập báo cáo và các tài liệu không đầy đủ, kịp thời.
Bước 3		Lãnh đạo bộ phận nghiệp vụ.	Xem xét nội dung các tài liệu, báo cáo định kỳ.	Lãnh đạo phụ trách xem xét nội dung các tài liệu, báo cáo định kỳ trước khi tiến hành CBTT.	Đảm bảo nội dung các báo cáo, tài liệu đầy đủ, chính xác và kịp thời.	
Bước 4		Người đại diện theo pháp luật/ người được ủy quyền CBTT/ Chuyên viên IR	Thực hiện CBTT	Người phụ trách CBTT thực hiện việc CBTT qua các kênh: Website của Công ty, UBCKNN, SGDCK, VSD	CBTT đúng thời hạn đến UBCKNN, SGDCK, VSD và website của Công ty	CBTT chậm so với thời hạn CBTT
Bước 5		Người đại diện theo pháp luật/ người được ủy quyền CBTT/ Chuyên viên IR	Kiểm tra việc CBTT	Người phụ trách CBTT kiểm tra các thông tin đã CBTT đã được đăng tải, tiếp nhận tại các kênh: Website của Công ty, UBCKNN, SGDCK, VSD	Đảm bảo việc nhận và đăng tải thông tin của: UBCKNN, SGDCK, VSD.	UBCKNN, SGDCK, VSD chưa nhận được hoặc không đăng tải tài liệu cần CBTT
Bước 6		Bộ phận Văn thư và các Bộ phận có liên quan	Lưu trữ	Lưu trữ các nội dung CBTT đầy đủ, đúng thời hạn theo qui định	Lưu trữ đầy đủ, đúng thời hạn theo qui định	

10.2 Công bố thông tin bất thường và các thông tin khác

Bước CV	Quy trình	Đơn vị thực hiện	Công việc	Cách thực hiện	Yêu cầu kết quả CV khi hoàn thành	Rủi ro được nhận diện
Bước 1		Lãnh đạo bộ phận nghiệp vụ/ Cá nhân, tổ chức CLQ	Liên hệ với Người phụ trách CBTT	Lãnh đạo phụ trách hoặc các Cá nhân, tổ chức có liên quan phát sinh nghiệp vụ liên hệ với Người phụ trách CBTT để biết rõ nội dung đó có cần CBTT hay không.	Trao đổi đầy đủ các nội dung liên quan đến nghiệp vụ với Người phụ trách CBTT	Không trao đổi kịp thời các nội dung có thể cần CBTT.
Bước 2		Người đại diện theo pháp luật/ người được ủy quyền CBTT/ Chuyên viên IR	Hướng dẫn cho lãnh đạo phụ trách hoặc các cá nhân, tổ chức có liên quan	Hướng dẫn về các thời hạn CBTT cụ thể cho Lãnh đạo phụ trách hoặc các Cá nhân, Tổ chức có liên quan.	Hiểu rõ các qui định về CBTT để hướng dẫn cho bộ phận có liên quan	Trao đổi chưa đầy đủ các qui định về CBTT cho bộ phận có liên quan.
Bước 3		Lãnh đạo bộ phận nghiệp vụ/ Cá nhân, tổ chức CLQ.	Hoàn thành các báo cáo, nội dung cần CBTT	Lãnh đạo phụ trách hoặc các Cá nhân, Tổ chức có liên quan gửi thông tin cần CBTT cho người phụ trách CBTT đúng thời hạn.	Đảm bảo nội dung các báo cáo, tài liệu đầy đủ, chính xác và kịp thời.	
Bước 4		Người đại diện theo pháp luật/ Người được ủy quyền CBTT/ Chuyên viên IR	Thực hiện CBTT	Người phụ trách CBTT thực hiện việc CBTT qua các kênh: Website của Công ty, UBCKNN, SGDCK, VSD	CBTT đúng thời hạn đến UBCKNN, SGDCK, VSD và website của Công ty	CBTT chậm so với thời hạn CBTT.
Bước 5		Người đại diện theo pháp luật/ người được ủy quyền CBTT/ Chuyên viên IR	Kiểm tra việc CBTT	Người phụ trách CBTT kiểm tra các thông tin đã CBTT đã được đăng tải, tiếp nhận tại các kênh: Website của Công ty, UBCKNN, SGDCK, VSD	Đảm bảo việc nhận và đăng tải thông tin của UBCKNN, SGDCK, VSD.	UBCK, SGDCK, VSD chưa nhận được hoặc không đăng tải tài liệu cần CBTT.
Bước 6		Bộ phận Văn thư và các Bộ phận có liên quan	Lưu trữ	Lưu trữ các nội dung CBTT đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định	Lưu trữ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định	

10.3 Phối hợp thực hiện giữa các bộ phận


10.3.1 Công bố thông tin định kỳ (đối với trường hợp Sợi Thép Kỹ không phải là công ty mẹ của một tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc).

Bước CV	Quy trình	Phối hợp thực hiện với các bộ phận ở bước kế tiếp						Tài liệu ĐHĐCĐ	Bảo cáo sử dụng vốn
		BCTC Quý <i>(Loại không hợp nhất hoặc không tổng hợp)</i>	BCTC soát xét bán niên <i>(Loại không hợp nhất hoặc không tổng hợp)</i>	BCTC kiểm toán năm <i>(Loại không hợp nhất hoặc không tổng hợp)</i>	Báo cáo quản trị	Báo cáo thường niên	Báo cáo ĐHĐCĐ		
Thời hạn CBTT		Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức kiểm toán được chấp thuận ký báo cáo soát xét. Thời hạn CBTT không quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán lập ký báo cáo kiểm toán. Thời hạn CBTT không quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Thời hạn CBTT chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo	Thời hạn CBTT chậm nhất là 20 ngày sau khi công bố BCTC năm được kiểm toán	Thời hạn CBTT tài liệu trước khi khai mạc họp ĐHĐCĐ chậm nhất là 10 ngày.	Định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi giải ngân hết vốn huy động được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng	
Bước 1		Thông báo thời hạn cần CBTT vào ngày kết thúc kỳ cần báo cáo	Thông báo thời hạn cần CBTT vào ngày kết thúc kỳ cần báo cáo	Thông báo thời hạn cần CBTT vào ngày kết thúc kỳ cần báo cáo	Thông báo thời hạn cần CBTT. vào ngày kết thúc kỳ cần báo cáo	Thông báo thời hạn cần CBTT vào ngày kết thúc kỳ cần báo cáo	Thông báo thời hạn cần CBTT vào ngày kết thúc kỳ cần báo cáo	Thông báo thời hạn cần CBTT trước 30 ngày định kỳ 06 tháng, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.	
Bước 2		Chuẩn bị trong vòng 16 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ cần báo cáo	Chuẩn bị trong vòng 75 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ cần báo cáo	Chuẩn bị trong vòng 10 ngày kể từ ngày CBTT BCTC kiểm toán năm.	Chuẩn bị trong vòng 20 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ cần báo cáo	Chuẩn bị trong vòng 10 ngày kể từ ngày CBTT BCTC kiểm toán năm.	Chuẩn bị trước 30 ngày trước khi khai mạc họp ĐHĐCĐ	Chuẩn bị trước 15 ngày định kỳ 06 tháng, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.	
Bước 3		Xét duyệt trong vòng 02 ngày kể từ ngày nhận nội dung	Xét duyệt trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận nội dung.	Xét duyệt trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận nội dung	Xét duyệt trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận nội dung	Xét duyệt trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận nội dung	Xét duyệt trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận nội dung	Xét duyệt trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận nội dung	
Bước 4		Gửi CBTT trong vòng 01 ngày kể từ ngày nhận nội dung	Gửi CBTT trong vòng 02 ngày kể từ ngày nhận nội dung	Gửi CBTT trong vòng 02 ngày kể từ ngày nhận nội dung	Gửi CBTT trong vòng 02 ngày kể từ ngày nhận nội dung	Gửi CBTT trong vòng 02 ngày kể từ ngày nhận nội dung	Gửi CBTT trong vòng 02 ngày kể từ ngày nhận nội dung	Gửi CBTT trong vòng 02 ngày kể từ ngày nhận nội dung	
Bước 5		Kiểm tra trong vòng 01 ngày kể từ ngày gửi nội dung CBTT.	Kiểm tra trong vòng 03 ngày kể từ ngày gửi nội dung CBTT.	Kiểm tra trong vòng 03 ngày kể từ ngày gửi nội dung CBTT.	Kiểm tra trong vòng 03 ngày kể từ ngày gửi nội dung CBTT.	Kiểm tra trong vòng 03 ngày kể từ ngày gửi nội dung CBTT.	Kiểm tra trong vòng 03 ngày kể từ ngày gửi nội dung CBTT.	Kiểm tra trong vòng 03 ngày kể từ ngày gửi nội dung CBTT.	
Bước 6									

10.3.2 Công bố thông tin định kỳ (đối với trường hợp Sợi Thế Kỳ là công ty mẹ của một tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc).

Bước CV	Quy trình	Phối hợp thực hiện với các bộ phận ở bước kế tiếp	BCTC kiểm toán năm (BCTC của Công ty mẹ và BCTC hợp nhất hoặc BCTC tổng hợp)	Báo cáo quản trị	Báo cáo thường niên	Tài liệu ĐHĐCĐ	Báo cáo sử dụng vốn
Thời hạn CBTT	BCTC Quý (BCTC của Công ty mẹ và BCTC hợp nhất hoặc BCTC tổng hợp) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý; hoặc Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý nếu được UBCKNN chấp thuận cho gia hạn	BCTC soát xét bán niên (BCTC của Công ty mẹ và BCTC hợp nhất hoặc BCTC tổng hợp) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức kiểm toán được chấp thuận ký báo cáo soát xét. Thời hạn CBTT không quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính; hoặc Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính nếu được UBCKNN chấp thuận cho gia hạn	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán độc lập ký báo cáo kiểm toán. Thời hạn CBTT không quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Thời hạn CBTT chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo	Thời hạn CBTT chậm nhất là 20 ngày sau khi công bố BCTC năm được kiểm toán	Thời hạn CBTT tài liệu trước khi khai mạc họp ĐHĐCĐ chậm nhất là 10 ngày.	Định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi giải ngân hết vốn huy động được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng
Bước 1	Thông báo thời hạn cần CBTT vào ngày kết thúc kỳ cần báo cáo	Thông báo thời hạn cần CBTT vào ngày kết thúc kỳ cần báo cáo	Thông báo thời hạn cần CBTT vào ngày kết thúc kỳ cần báo cáo	Thông báo thời hạn cần CBTT vào ngày kết thúc kỳ cần báo cáo	Thông báo thời hạn cần CBTT vào ngày kết thúc kỳ cần báo cáo	Thông báo thời hạn cần CBTT vào ngày kết thúc kỳ cần báo cáo	Thông báo thời hạn cần CBTT trước 30 ngày định kỳ 06 tháng, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
Bước 2	Chuẩn bị trong vòng 20 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ cần báo cáo	Chuẩn bị trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ cần báo cáo, hoặc trong vòng 45 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ cần báo cáo nếu được UBCKNN chấp thuận cho gia hạn	Chuẩn bị trong vòng 75 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ cần báo cáo	Chuẩn bị trong vòng 20 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ cần báo cáo	Chuẩn bị trong vòng 10 ngày kể từ ngày CBTT BCTC kiểm toán năm.	Chuẩn bị trước 30 ngày trước khi khai mạc họp ĐHĐCĐ	Chuẩn bị trước 15 ngày định kỳ 06 tháng, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
Bước 3	Xét duyệt trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận nội dung	Xét duyệt trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận nội dung	Xét duyệt trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận nội dung.	Xét duyệt trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận nội dung	Xét duyệt trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận nội dung	Xét duyệt trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận nội dung	Xét duyệt trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận nội dung
Bước 4	Gửi CBTT trong vòng 02 ngày kể từ ngày nhận nội dung	Gửi CBTT trong vòng 02 ngày kể từ ngày nhận nội dung	Gửi CBTT trong vòng 02 ngày kể từ ngày nhận nội dung	Gửi CBTT trong vòng 02 ngày kể từ ngày nhận nội dung	Gửi CBTT trong vòng 02 ngày kể từ ngày nhận nội dung	Gửi CBTT trong vòng 02 ngày kể từ ngày nhận nội dung	Gửi CBTT trong vòng 02 ngày kể từ ngày nhận nội dung

Chưa nhận được tin CBTT

Bước 5		Kiểm tra trong vòng 03 ngày kể từ ngày gửi nội dung CBTT.	Kiểm tra trong vòng 03 ngày kể từ ngày gửi nội dung CBTT.	Kiểm tra trong vòng 03 ngày kể từ ngày gửi nội dung CBTT.	Kiểm tra trong vòng 03 ngày kể từ ngày gửi nội dung CBTT.	Kiểm tra trong vòng 03 ngày kể từ ngày gửi nội dung CBTT.	Kiểm tra trong vòng 03 ngày kể từ ngày gửi nội dung CBTT.	Kiểm tra trong vòng 03 ngày kể từ ngày gửi nội dung CBTT.
Bước 6								

10.3.3 Công bố thông tin bất thường và các thông tin khác

Các bộ phận có liên quan phối hợp thực hiện ngay trong ngày khi phát sinh các nội dung liên quan đến việc CBTT.

Mục 2. Phát Ngôn

Điều 11. Người phát ngôn

1. Người phát ngôn là người được Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ chỉ định và giao nhiệm vụ phát ngôn trước các phương tiện thông tin đại chúng về các chủ trương, chính sách, quyết định quan trọng của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ và các lĩnh vực khác trong phạm vi cho phép.
2. Người phát ngôn chính thức của Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ là Tổng Giám đốc điều hành và Người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty. Người phát ngôn có thể ủy quyền bằng văn bản cho các cán bộ điều hành trực thuộc thực hiện toàn bộ hoặc một phần hoạt động phát ngôn của mình. Mọi cán bộ nhân viên Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ không được tự ý phát ngôn trước các phương tiện thông tin đại chúng về các vấn đề có liên quan đến Công ty khi chưa được người phát ngôn cho phép hoặc ủy quyền. Mọi thông tin do cán bộ nhân viên Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ tự ý phát ngôn trước các phương tiện thông tin đại chúng về các vấn đề có liên quan đến Công ty khi chưa được người phát ngôn cho phép hoặc ủy quyền đều được xem là không chính thức và không hợp lệ.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Các cán bộ thuộc bộ máy điều hành Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ và các đơn vị có liên quan đến hoạt động công bố thông tin có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn thực hiện và tuân thủ nghiêm túc các quy định trong Quy trình này.
2. Giao Người phụ trách CBTT là đầu mối hướng dẫn và quản lý các trường hợp phát sinh khác liên quan đến công bố thông tin trên các phương tiện truyền thông.
3. Mọi hành vi vi phạm các quy định trong Quy trình này đều bị xử lý kỷ luật tương ứng với mức độ và tính chất vi phạm.
4. Nếu có qui định nào trong Quy trình này chưa kịp thay đổi cho phù hợp với thay đổi của các văn bản pháp luật điều chỉnh việc công bố thông tin thì các qui định của pháp luật hiện hành sẽ được áp dụng.

Điều 13. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy trình

Quy trình này được thông qua và chỉ được sửa đổi, bổ sung bởi Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ, hoặc khi có sự thay đổi của các Văn bản pháp luật điều chỉnh việc công bố thông tin.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Dặng Triều Hòa